

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**
Bản án số: **115/2023/HNGĐ - ST**
Ngày: 30/11/2023
(V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT-TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi

2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án DG sự về Hôn nhG gia đình thụ lý số: 500/2023/TLST- HNGĐ ngày: 11/10/2023, về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 581/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị A, sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1991

Địa chỉ: khu phố 5, phường E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2023, bản tự khai ngày 13/10/2023 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:

Bà và ông Lê Nguyễn Hoàng D tự nguyện tìm hiểu khi bà đang còn hôn nhG với chồng trước. Sau khi ly hôn với chồng, ngày 26/3/2022 bà dẫn 02 con chung về sống với ông D và gia đình, ông bà không đăng ký kết hôn, trước khi đến với nhau bà đã có chồng, có 01 bé gái. 02 con chung với ông D bà sinh trong thời gian chung sống với chồng cũ. Gia đình và ông D đã yêu cầu bà xác định AND cho 02 bé, sau khi xác định đây là 02 con ruột gia đình và ông D mới chấp nhận mẹ con bà. Đến tháng 8/2023 ông bà mâu thuẫn với nhau, mẹ chồng đuổi đi, bà không dẫn các con theo do gia đình ông D không cho bà dẫn con đi cùng.

Nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết để bà được ly hôn với ông D, ông bà không sống chung từ tháng 8/2023 đến nay, mặc dù bà muốn hàn gắn nhưng ông D không còn tình cảm, không muốn quay về sống chung.

Về con chung: ông bà có 02 (hai) con chung là Lê Huệ F (giới tính: nữ), sinh ngày: 17/02/2018, Lê Đức G (giới tính: nam), sinh ngày 25/8/2021. Sau ly hôn bà muốn được trực tiếp nuôi bé Lê Huệ F, đồng ý giao con chung Lê Đức G cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: ông bà không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Nguyễn Hoàng D tại quá trình giải quyết và phần trình bày ở phiên tòa thể hiện:

Ông và bà Bùi Thị A sống chung và không đăng ký kết hôn như bà A trình bày, khi sống chung đã không hạnh phúc vì những khúc mắc trước khi về ở chung chưa giải quyết rõ ràng, ông bà chung sống không có tiếng nói chung do không hợp nhau, hay bất hòa. Nay ông xác định tình cảm đôi bên không còn, ông đồng ý ly hôn bà A.

Về con chung, ông bà có 02 (hai) con chung là Lê Huệ F (giới tính: nữ), sinh ngày: 17/02/2018, Lê Đức G (giới tính: nam), sinh ngày 25/8/2021.

Ông bà thỏa thuận sau ly hôn ông sẽ trực tiếp nuôi bé Lê Đức G, ông đồng ý giao con chung Lê Huệ F cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phG công giải quyết vụ án đã tiến hành các tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dG sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dG sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhG, không công nhận quan hệ giữa bà Bùi Thị A và ông Lê Nguyễn Hoàng D là quan hệ vợ chồng. Về con chung ông bà có 02 con chung chưa thành niên, công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự, về tài sản và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí bà Bùi Thị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Bùi Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lê Nguyễn Hoàng D có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có 02 con chung là Lê Huệ F (giới tính: nữ),

sinh ngày: 17/02/2018, Lê Đức G (giới tính: nam), sinh ngày 25/8/2021, về tài sản và nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là vụ kiện “Ly hôn, nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dG sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dG sự.

[2]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Bùi Thị A và ông Lê Nguyễn Hoàng D chung sống vào năm 2022 và có hai con chung với nhau, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhG và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhG: bà Bùi Thị A và ông Lê Nguyễn Hoàng D tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 2022, có hai con chung với nhau nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Ông bà tìm hiểu, chưa sống chung nhưng có 02 con chung khi bà đang còn hôn nhG với chồng trước. Bà A thuận tình ly hôn với chồng trước vào ngày 15/12/2021. Khi về chung sống, mâu thuẫn phát sinh, bà A bị gia đình ông D đuổi đi, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà A ông D có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, bà có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhG và gia đình năm 2014. Bà A, ông D không còn tình cảm, mâu thuẫn phát sinh ông bà tự sống riêng, không quan tâm đến cuộc hôn nhG này nữa. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa bà A và ông D đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhG và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà A, ông D là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3.2]. Về con chung: ông bà có hai con chung là: Lê Huệ F (giới tính: nữ), sinh ngày: 17/02/2018, Lê Đức G (giới tính: nam), sinh ngày 25/8/2021. Ông bà thỏa thuận, sau ly hôn: bà A trực tiếp nuôi con chung Lê Huệ F, ông D trực tiếp nuôi con chung Lê Đức G. Ông D, bà A đều được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, ông D, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí DG sự sơ thẩm, bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tạm ứng án phí;

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dG sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 19, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhG và gia đình năm 2014.

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhG và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhG: không công nhận quan hệ giữa bà Bùi Thị A và ông Lê Nguyễn Hoàng D là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: ông bà có hai con chung là: Lê Huệ F (giới tính: nữ), sinh ngày: 17/02/2018, Lê Đức G (giới tính: nam), sinh ngày 25/8/2021.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Giao con chung Lê Huệ F cho bà Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung Lê Đức G cho ông Lê Nguyễn Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông D, bà A đều được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, ông D, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

3. Án phí: Bà Bùi Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí DG sự sơ thẩm về Hôn nhG gia đình. Bà A đã nộp tạm ứng án phí dG sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0018823 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dG sự Thành phố Phan Thiết, án phí bà A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2023).

Nơi nhận:

- VKS tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADSTP Phan Thiết;
- UBND nơi các đương sự thường trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc